TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 20/7/2020.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng.

Ông Kim Na Rinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: *Không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26/5/2020, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HN, ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Chí T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Tô Thị Thúy K, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Lê Chí T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị K xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, anh và chị K có quen nhau khoảng 01 năm rồi tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang sau ngày cưới đã bán hết không còn. Sau ngày cưới, do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng đi làm Công ty tại

thành phố Hồ Chí Minh, quá trình chung sống do bất hòa với nhau về tình cảm, lối sống, ứng xử giao tiếp, chị K không trung thực với anh mọi vấn đề trong cuộc sống, làm anh mất niền tin, từ đó dẫn đến cãi vã, gây gỗ nhau, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ ngày 16/02/2020 đến nay, mạnh ai nấy sống, không liên lạc nhau nên tình cảm không còn. Khi sự việc xảy ra, cha mẹ hai bên đều biết, nhưng không hòa giải hàn gắn đoàn tụ với nhau được. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

- *Về nuôi con tên:* Lê Kiều T, sinh ngày 14/9/2016, hiện con đang sống với anh, anh xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tô Thị Thúy K là bị đơn trong vụ án, chị K vắng mặt lần thứ nhất và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- *Về hôn nhân:* Anh T và chị K xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Nay anh T và chị K đều có nguyện vọng xin được ly hôn với nhau.

- *Về nuôi con tên:* Lê Kiều T, sinh ngày 14/9/2016, hiện con đang sống với anh T, anh xin được quyền nuôi dưỡng con, chị K đồng ý.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh T và chị K không tranh chấp, không khởi kiện.

Các bên đương sự không thống nhất với nhau về mâu thuẫn vợ chồng:

- *Anh T khai*: Quá trình chung sống dẫn đến bất hòa nhau về tình cảm, lối sống, ứng xử giao tiếp, chị K không trung thực với anh về mọi vấn đề trong cuộc sống, làm anh mất niền tin, dẫn đến cãi vã, gây gỗ nhau, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ ngày 16/02/2020 đến nay, mạnh ai nấy sống, không có liên lạc nhau nên tình cảm không còn.

- *Chị K khai*: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, vợ chồng cải vã thường xuyên, sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được và đồng ý ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vắng mặt nên không có lời phát biểu về việc tuân theo pháp luật cũng như về hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị K là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa chị K vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Kiểm sát viên vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ các Điều 232, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị K và Kiểm sát viên theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy anh T khởi kiện chị K yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị K, anh xin được quyền nuôi dưỡng con, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy anh T và chị K xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

- *Anh T khai*: Quá trình chung sống dẫn đến bất hòa nhau về tình cảm, lối sống, ứng xử giao tiếp, chị K không trung thực với anh về mọi vấn đề trong cuộc sống, làm anh mất niền tin, dẫn đến cãi vã, gây gỗ nhau, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ ngày 16/02/2020 đến nay, mạnh ai nấy sống, không có liên lạc nhau nên tình cảm không còn.

- *Tại phiên tòa chị K vắng mặt. Tuy nhiên tại bản tự khai đề ngày 15/6/2020, chị K khai*: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, vợ chồng cải vã thường xuyên, sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được và chị đồng ý ly hôn với anh T.

Xét thấy khi mâu thuẫn xảy ra, anh T, chị K đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2020 đến nay, trong thời gian này anh T, chị K không gặp nhau để trao đổi hàn gắn đoàn tụ gia đình, mặt khác anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng xin được ly hôn với nhau. Từ đó, dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị K là phù hợp quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy anh T, chị K sinh 01 người con tên Lê Kiều T, sinh ngày 14/9/2016. Trong thời gian vợ chồng ly thân, con sống với anh T và được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt. Tại phiên tòa anh T xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn là phù hợp với ý kiến của chị K thể hiện qua bản tự khai

đề ngày 15/6/2020 là đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao Lê Kiều T, sinh ngày 14/9/2016 cho anh T được quyền trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh T và chị K không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Lê Chí T nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 227, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Chí T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho anh Lê Chí T được ly hôn với chị Tô Thị Thúy K.

- *Về nuôi con:*

+ Anh Lê Chí T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Lê Kiều T, sinh ngày 14/9/2016.

+ Chị Tô Thị Thúy K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc anh Lê Chí T nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008607, ngày 22/5/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh Lê Chí T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Anh Lê Chí T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

+ Chị Tô Thị Thúy K vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày chị nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã M, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.